

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Hồng.

Hội Thẩm Nhân Dân: ông Bùi Văn Ổn; ông Bùi Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Văn Hường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Phượng- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2024 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/12/2024 giữa:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị Q, sinh năm 1983. Nơi cư trú: xóm T Trên, xã T, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt;

- Bị đơn: anh Bùi Văn N, sinh năm 1980. Nơi cư trú: xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn chị Bùi Thị Q trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên

nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung luôn căng thẳng, nặng nề không có hạnh phúc, hiện đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay không quan tâm và không còn tình cảm với nhau nên chị Q xin ly hôn anh N.

2. Về con chung: chị Q và anh N có 01 con chung là Bùi Thị Hương M, sinh năm 2001. Khi ly hôn, do con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng và đủ khả năng lao động nên chị Q không đặt ra vấn đề trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản; công nợ: chị Q khai không có.

Ngoài ra chị Q không có yêu cầu gì thêm.

Anh Bùi Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có quan điểm gửi đến Tòa án.

Phát biểu quan điểm tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình công nhận việc chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị như sau:

Về tố tụng: Anh N được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng không chấp hành, phiên tòa đã phải hoãn một lần. Chị Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị Q là có cơ sở theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị Q và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q với anh N là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị Q là phù hợp các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110 Luật HN&GD năm 2014 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản; Công nợ chung: chị Q khai nhận không có do vậy đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn và bị đơn anh Bùi Văn N có nơi cư trú tại xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về việc vắng mặt của chị Bùi Thị Q và anh Bùi Văn N: Anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; Chị Q vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị Q theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh N là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng thực sự có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung luôn căng thẳng, nặng nề không có hạnh phúc, hiện đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay không quan tâm và không còn tình cảm với nhau. Anh N không đến Tòa thể hiện không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng, từ bỏ quyền trình bày nguyện vọng của anh trước việc chị Q xin ly hôn với anh.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị Q và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh N là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

[3]. Về con chung: chị Q và anh N có 01 con chung là Bùi Thị Hương M, sinh năm 2001. Khi ly hôn, do con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng và đủ khả năng lao động nên chị Q không đặt ra vấn đề trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo kết quả xác minh tại địa phương, con chung của chị Q và anh N đã trưởng thành; đủ khả năng lao động, có gia đình riêng và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét là phù hợp các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật HN&GD năm 2014.

[4]. Về tài sản; công nợ chung: chị Q khai nhận không có nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110 Luật HN&GD năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Q đối với anh Bùi Văn N về việc "Ly hôn" cụ thể:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị Q được ly hôn anh Bùi Văn N.

2. *Về con chung:* chị Q và anh N có 01 con chung là Bùi Thị Hương M, sinh năm 2001. Khi ly hôn, do chị M đã trưởng thành, có gia đình riêng và không có yêu cầu gì, chị Q, anh N chưa đặt ra vấn đề nuôi dưỡng con chung nên HĐXX không xem xét trong vụ án.

3. *Về án phí:* Chị Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002435 ngày 04/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay chị Q không phải nộp án phí nữa.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

5. *Hướng dẫn thi hành án:* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Tân Lập (theo GCNKH số 95/2000 ngày 23/12/2000);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng

